

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2023

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Thông.

Bà Nguyễn Thị Diệu H.

Th ký phiên tòa: anh Nguyễn Phi Hải - Th ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 584/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Bích Nh, sinh năm 1982.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1983.

Cùng nơi cư trú: Tổ 4C, khu phố H, thành phố L, tỉnh ĐN.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/12/2022, nguyên đơn Chị Dương Thị Bích Nh trình bày:

Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay là phường B, thành phố L), tỉnh ĐN. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc. Từ năm 2015 đến nay, anh M có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, Thường hay ăn nhậu về đánh đập chị nên chị và con đã đi nơi khác ở, nhưng chị vẫn Thường hay về chăm sóc cho cha mẹ chồng. Nay cha mẹ chồng của chị đã chết, chị không thể tiếp sống chung với anh M và đã tự ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là các cháu Nguyễn Thị Vân Th, sinh ngày 20/8/1999, Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/01/2002, Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 29/3/2004 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 17/3/2006. Khi ly hôn, nguyên đơn giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho anh M và không cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Th, H và Tr đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Bị đơn có đăng ký kết hôn với chị Dương Thị Bích Nh vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay là phường B, thành phố L), tỉnh ĐN. Vợ chồng có 04 con chung là các cháu Nguyễn Thị Vân Th, sinh ngày 20/8/1999, cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/01/2002, cháu Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 29/3/2004 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 17/3/2006. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do mâu thuẫn chuyện tiền bạc, không có tiếng nói chung, ngoài ra anh M cũng thừa nhận mình Thờng hay nhậu nhẹt do vấn đề công việc và gia đình. Nay, anh M cảm thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên anh đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Như.

Về con: Khi ly hôn, anh M theo quyết định của các con. Do cháu L muốn ở với cha nên anh đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Th, H và Tr đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

** Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập đã được công khai theo đúng quy định pháp luật.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo nhưng còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào Điều 21, 262 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: các cháu Th, H và Tr: hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu L: cháu có nguyện vọng được sống chung với bố, anh

M và chị Nh cũng đồng ý anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: chị Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Chị Dương Thị Bích Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn M. Do anh M có địa chỉ cư trú tại khu phố H, thành phố L, tỉnh ĐN nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Bích Nh và anh Nguyễn Văn M tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay là phường B, thành phố L) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011, được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: chị Nh và anh M thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Theo chị Nh nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là từ năm 2015 đến nay, anh M có mối quan hệ tình cảm khác, thường hay ăn nhậu về đánh đập chị. Do không thể tiếp tục chung sống với anh M nên từ năm 2021, chị đã đưa con đi nơi khác sinh sống và vợ chồng ly thân. Bản thân anh M cũng thừa nhận vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh.

Như vậy, có thể xác định quan hệ hôn nhân của chị Nh và anh M đã mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nh yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: anh M và chị Nh đều có yêu cầu giao cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 17/3/2006 cho anh M nuôi. Xét yêu cầu này của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu L nên chấp nhận, giao cháu L cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với các cháu Nguyễn Thị Vân Th, sinh ngày 20/8/1999; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/01/2002 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 29/3/2004 đã trưởng thành, anh M, chị Nh không có yêu cầu nên không xem xét.

Tạm thời anh M không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228, 266, 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị Dương Thị Bích Nh.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Dương Thị Bích Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 17/3/2006 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Văn M không yêu cầu chị Dương Thị Bích Nh cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh M và chị Nh được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, anh M, chị Nh được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Dương Thị Bích Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0006112 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Chị Nh đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- UBND phường B (giấy CNKH số 197/2011);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Vân Khánh